

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-PVHCC

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

V/v triển khai kế hoạch kiểm tra,
đánh giá an ninh mạng đối với Hệ
thống thông tin giải quyết thủ tục
hành chính của tỉnh

Kính gửi:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Công an tỉnh;
- VNPT – Gia Lai.

Triển khai Kế hoạch số 285/KH-TCTTKĐA ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06, Cải cách thủ tục hành chính, Chuyển đổi số gắn với Đề án 06 (gửi kèm theo Công văn này); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với VNPT Gia Lai, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tự kiểm tra, đánh giá việc chấp hành quy định về an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; công tác quản lý, sử dụng tài khoản khai thác, tra cứu thông tin công dân; lưu trữ nhật ký kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin; quản lý, phân quyền truy cập, kiểm soát truy vấn API, bảo đảm dữ liệu được khai thác, sử dụng đúng mục đích, phạm vi, nội dung được cấp có thẩm quyền cho phép.

Trên cơ sở kết quả tự kiểm tra, đánh giá, kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu, điều kiện kỹ thuật phục vụ Đoàn công tác theo Kế hoạch số 285/KH-TCTTKĐA; đồng thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với các nội dung vượt thẩm quyền.

Yêu cầu Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, VNPT – Gia Lai và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh Lâm Hải Giang;
- Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Cục Kỹ thuật nghiệp vụ; Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Bộ Công an);
- CVP, PVP VX;
- Lưu: VT, PVHCC (CBS).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Số: 285 /KH-TCTTKĐA

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, đánh giá an ninh mạng các hệ thống thông tin kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử năm 2026

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án 06/CP). Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 46/2022/TT-BCA ngày 04/11/2022 của Bộ Công an quy định về việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác; Công văn số 708/BTTTT-CATTT ngày 02/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, thay thế nội dung về an toàn, an ninh mạng tại Công văn số 1552/BTTTT-THH; Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước; Luật Dữ liệu 2024; Nghị định số 165/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu; Luật An ninh mạng 2025; Luật Trí tuệ nhân tạo 2025; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025; Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 (gọi tắt là Tổ Công tác) ban hành Kế hoạch “Kiểm tra, đánh giá an ninh mạng các hệ thống thông tin kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử năm 2026”. Nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá thực trạng việc chấp hành các quy định về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với hệ thống thông tin đã kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử.

2. Kịp thời phát hiện, khắc phục các tồn tại, lỗ hổng bảo mật của hệ thống thông tin đã kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử.

3. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị và cán bộ, nhân viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, sửa chữa khuyết điểm đối với các trường hợp vi phạm quy định, quy trình, quy chế, cam kết thực hiện trong quá trình kết nối. Đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp cố tình vi phạm, gây ảnh hưởng đến an toàn, an ninh mạng hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử (nếu có).

4. Đảm bảo khách quan, toàn diện, hiệu quả, tuân thủ đúng quy trình, quy định, đúng nội dung và đúng pháp luật; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống thông tin đã kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng kiểm tra

(1) Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử.

(2) Hệ thống thông tin kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử.

2. Phạm vi áp dụng

(1) Hệ thống thông tin của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử (trừ Bộ Quốc phòng).

(2) Hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử.

(3) Hệ thống thông tin của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử (trừ các cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng).

III. NỘI DUNG, THỜI GIAN, THÀNH PHẦN KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra

1.1. Đối với đơn vị chủ quản hệ thống thông tin

(1) Việc chấp hành, thực hiện đúng trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP;

(2) Việc quản lý, sử dụng API khai thác thông tin dân cư, khai thác dữ liệu đúng mục đích, phạm vi, nội dung thông tin khai thác đã cam kết với Bộ Công an;

(3) Việc lưu trữ nhật ký kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 46/2022/TT-BCA;

(4) Việc quản trị, quản lý tài khoản đăng nhập dùng để khai thác, tra cứu thông tin công dân;

(5) Đánh giá lại toàn bộ hệ thống kết nối thông qua việc kiểm tra nội dung liên quan đến: văn bản quy định, quy chế vận hành, sử dụng hệ thống; sơ đồ

thiết kế, thông tin giải pháp bảo mật, cách thức thu thập, lưu trữ, sao lưu nhật ký hoạt động, cấu hình giải pháp bảo mật;

(6) Việc tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025, Nghị định số 356/2025/NĐ-CP.

1.2. Đối với hệ thống thông tin

- Kiểm tra, đánh giá việc triển khai, đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ được phê duyệt theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và các văn bản hướng dẫn bảo đảm an ninh mạng các hệ thống thông tin phục vụ Đề án 06/CP, bao gồm:

(1) Kiểm tra, đánh giá việc thiết lập cấu hình bảo mật trên thiết bị hệ thống, máy chủ, ứng dụng và cơ sở dữ liệu đáp ứng các yêu cầu an toàn theo phương án được phê duyệt trong Hồ sơ đề xuất cấp độ;

(2) Kiểm tra, đánh giá phát hiện mã độc, lỗ hổng, điểm yếu, thử nghiệm xâm nhập hệ thống đối với thiết bị hệ thống, máy chủ, ứng dụng;

(3) Kiểm tra, đánh giá an toàn mã nguồn đối với phần mềm nội bộ;

(4) Kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh đối với thiết bị, phần cứng.

- Kiểm tra, đánh giá việc triển khai và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống thông tin kết nối với các hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư bảo đảm tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025, Nghị định số 356/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan, bao gồm:

(1) Kiểm tra, đánh giá việc thiết lập cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình kết nối, khai thác, sử dụng thông tin dân cư và dữ liệu định danh điện tử, bao gồm việc cấu hình phân quyền truy cập, kiểm soát truy vấn API, cơ chế xác thực đa yếu tố, mã hóa dữ liệu trong quá trình truyền và lưu trữ, bảo đảm chỉ khai thác đúng mục đích, phạm vi đã được phê duyệt;

(2) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu, bảo đảm hệ thống chỉ trích xuất, lưu trữ và xử lý các trường thông tin thực sự cần thiết phục vụ giải quyết thủ tục hành chính hoặc nghiệp vụ chuyên môn; không lưu trữ tràn lan, không sử dụng dữ liệu cho mục đích ngoài phạm vi đã đăng ký;

(3) Kiểm tra, đánh giá cơ chế xử lý dữ liệu cá nhân, bao gồm quy định thời hạn lưu trữ, cơ chế xóa, hủy hoặc ẩn dữ liệu khi hoàn thành mục đích xử lý; kiểm tra việc thực hiện xóa dữ liệu đúng quy trình và có chứng minh;

(4) Kiểm tra, đánh giá hệ thống nhật ký và khả năng truy vết, bảo đảm ghi nhận đầy đủ thông tin về tài khoản truy cập, dữ liệu được khai thác, thời điểm, mục đích khai thác; bảo đảm nhật ký được bảo vệ, không bị chỉnh sửa và được lưu trữ theo thời hạn quy định;

(5) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu, bao gồm quy trình tiếp nhận, xử lý yêu cầu xem, chỉnh sửa, xóa dữ liệu cá nhân; bảo đảm thời hạn phản hồi theo quy định của pháp luật;

(6) Kiểm tra, đánh giá cơ chế phát hiện, xử lý và báo cáo sự cố vi phạm dữ liệu cá nhân, bao gồm quy trình nội bộ, đầu mối chịu trách nhiệm, thời gian thông báo cho cơ quan có thẩm quyền (không quá 72 giờ kể từ thời điểm phát hiện) và biện pháp khắc phục hậu quả;

(7) Kiểm tra, đánh giá việc lập, cập nhật và lưu trữ Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân đối với hoạt động kết nối, khai thác dữ liệu từ các hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư; bảo đảm hồ sơ được cập nhật khi có thay đổi về mục đích, phạm vi, công nghệ hoặc nhân sự liên quan;

(8) Kiểm tra, đánh giá an toàn bảo mật đối với thiết bị, máy trạm và hạ tầng kỹ thuật có kết nối với các hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, bao gồm việc cài đặt phần mềm bảo mật, kiểm soát thiết bị ngoại vi, ngăn chặn sao chép dữ liệu trái phép và kiểm soát truy cập vật lý.

2. Thời gian kiểm tra: Từ ngày 16 / 4 / 2026

(1) Kiểm tra, đánh giá đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

(2) Kiểm tra, đánh giá định kỳ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 20, Nghị định số 85/2016/NĐ-CP; trừ hệ thống thông tin do Bộ Quốc phòng quản lý hoặc hệ thống thông tin đã được các đơn vị chuyên trách (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao chủ trì, phối hợp với Cục Kỹ thuật nghiệp vụ) tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác nhận việc bảo đảm an ninh, an toàn không quá 01 năm theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

3. Thành phần Đoàn kiểm tra

Gồm các đơn vị chuyên trách của Bộ Công an: Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Cục Kỹ thuật nghiệp vụ; Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ và Ngoại tuyến hoặc đơn vị chủ trì công tác bảo đảm an ninh mạng phục vụ Đề án 06/CP của Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ nội dung Kế hoạch này, Thủ trưởng các đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các đơn vị chức năng định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá an ninh mạng hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật hoặc đột xuất khi thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

2. Thành viên Đoàn kiểm tra có trách nhiệm thu thập tài liệu, nghiên cứu nội dung được giao kiểm tra để thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và quy định. Kết thúc các đợt kiểm tra, Đoàn kiểm tra tập hợp kết quả, báo cáo Lãnh đạo Bộ Công an và đề xuất hình thức xử lý (nếu có vi phạm).

Nhận được Kế hoạch này, đề nghị các đơn vị tổ chức triển khai nghiêm túc, hiệu quả, quá trình thực hiện cần trao đổi (1) Về đầu mối hỗ trợ công tác bảo đảm an ninh mạng: Đ/c Thiếu tá Dương Văn Nghiêm - Cán bộ Phòng 7, Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ Công an, SĐT: 0911.587.007, (2) Về đầu mối hỗ trợ chung, phối hợp kiểm tra, đánh giá an ninh mạng: Đ/c Trung tá Nguyễn Lê Đông - Cán bộ Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an, SĐT: 0868.853.901/. *Tân*

Nơi nhận:

- Đồng chí Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo (để báo cáo);
- Đồng chí Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo (để báo cáo);
- Đồng chí Bộ trưởng Bộ Công an, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo, Tổ trưởng Tổ Công tác (để báo cáo);
- Các thành viên Tổ Công tác (để theo dõi);
- Văn phòng Chính phủ (để theo dõi);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để theo dõi);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (để p/h thực hiện);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để p/h thực hiện);
- Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin kết nối với các hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư (để p/h thực hiện);
- Văn phòng Bộ Công an (để theo dõi);
- Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Cục Kỹ thuật nghiệp vụ; Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (để thực hiện);
- Lưu: VT, TCTTKĐA (C06-TTDLDC).

**KT. TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÓ THƯỜNG TRỰC**



THỦ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
Thượng tướng Nguyễn Văn Long

PHỤ LỤC

Danh sách lịch dự kiến kiểm tra hệ thống thông tin của các Bộ, ngành, doanh nghiệp, địa phương kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử năm 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 285 /KH-TCTTKĐA ngày 16 /4/2026)

Đơn vị thực hiện kiểm tra: Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Cục Kỹ thuật nghiệp vụ; Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội).

I. Các doanh nghiệp

| STT | Đơn vị | Dự kiến thời gian kiểm tra | Dự kiến địa điểm kiểm tra |
|-----|--|----------------------------|--|
| 1 | Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 04/5/2026 | Tại hệ thống Trung tâm dữ liệu của các doanh nghiệp tại Hà Nội |
| 2 | Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông VNPT VinaPhone | 06/5/2026 | |
| 3 | Tổng công ty Viễn thông MobiFone | 08/5/2026 | |

II. Các Bộ, ngành

| STT | Đơn vị | Dự kiến thời gian kiểm tra | Dự kiến địa điểm kiểm tra |
|-----|------------------------------|----------------------------|--|
| 1 | Bộ Ngoại giao | 11/5/2026 | Tại hệ thống Trung tâm dữ liệu của các đơn vị tại Hà Nội |
| 2 | Bộ Tư pháp | 13-18/5/2026 | |
| 3 | Bộ Tài chính | 20-26/5/2026 | |
| 4 | Bộ Công thương | 28/5/2026 | |
| 5 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | 01-02/6/2026 | |
| 6 | Bộ Nội vụ | 04-10/6/2026 | |
| 7 | Bộ Xây dựng | 12-16/6/2026 | |
| 8 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 18-22/6/2026 | |

| STT | Đơn vị | Dự kiến thời gian kiểm tra | Dự kiến địa điểm kiểm tra |
|-----|---------------------------------|----------------------------|--|
| 9 | Bộ Khoa học và Công nghệ | 24/6/2026 | Tại hệ thống Trung tâm dữ liệu của các đơn vị tại Hà Nội |
| 10 | Bộ Y tế | 26/6/2026 | |
| 11 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 01-03/7/2026 | |
| 12 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | 06-08/7/2026 | |
| 13 | Văn phòng Chính phủ | 10-14/7/2026 | |
| 14 | Thanh tra Chính phủ | 16-17/7/2026 | |
| 15 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 20-24/7/2026 | |
| 16 | Viện kiểm sát nhân dân tối cao | 27-28/7/2026 | |
| 17 | Tòa án nhân dân tối cao | 30-31/7/2026 | |

III. Các đơn vị địa phương

| STT | Đơn vị | Dự kiến thời gian kiểm tra | Dự kiến địa điểm kiểm tra |
|-----|-------------|----------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Bắc Ninh | 03-04/8/2026 | Bắc Ninh |
| 2 | Thanh Hóa | 06/8/2026 | Thanh Hóa |
| 3 | Hà Tĩnh | 11/8/2026 | Hà Tĩnh |
| 4 | Huế | 13/8/2026 | Huế |
| 5 | Tây Ninh | 17/8/2026 | Tây Ninh |
| 6 | Hà Nội | 20-21/8/2026 | Trụ sở MobiFone, Viettel tại Hà Nội |
| 7 | Thái Nguyên | 24/8/2026 | Trụ sở MobiFone tại Hà Nội |
| 8 | Quảng Ninh | 26/8/2026 | Trụ sở FPT tại Hà Nội |

| STT | Đơn vị | Dự kiến thời gian kiểm tra | Dự kiến địa điểm kiểm tra |
|-----|-------------|----------------------------|---------------------------|
| 9 | Điện Biên | 28/8/2026 | Trụ sở VNPT tại Hà Nội |
| 10 | Lai Châu | 03/9/2026 | |
| 11 | Lào Cai | 07/9/2026 | |
| 12 | Tuyên Quang | 09/9/2026 | |
| 13 | Sơn La | 11/9/2026 | |
| 14 | Phú Thọ | 15/9/2026 | |
| 15 | Cao Bằng | 17/9/2026 | |
| 16 | Lạng Sơn | 21/9/2026 | |
| 17 | Hải Phòng | 22-23/9/2026 | |
| 18 | Hung Yên | 25/9/2026 | Trụ sở VNPT tại Hà Nội |
| 19 | Ninh Bình | 01/10/2026 | |
| 20 | Nghệ An | 03/10/2026 | |
| 21 | Quảng Trị | 06/10/2026 | |
| 22 | Đà Nẵng | 09/10/2026 | |
| 23 | Quảng Ngãi | 12/10/2026 | |
| 24 | Gia Lai | 14/10/2026 | |
| 25 | Đắk Lắk | 16/10/2026 | |
| 26 | Khánh Hòa | 19/10/2026 | |
| 27 | Lâm Đồng | 21/10/2026 | |

| STT | Đơn vị | Dự kiến thời gian kiểm tra | Dự kiến địa điểm kiểm tra |
|-----|-----------------|----------------------------|--|
| 28 | TP. Hồ Chí Minh | 23/10/2026 | Trụ sở VNPT tại Hà Nội |
| 29 | Đồng Tháp | 26/10/2026 | |
| 30 | Vĩnh Long | 28/10/2026 | |
| 31 | Cần Thơ | 30/10/2026 | |
| 32 | An Giang | 02/11/2026 | |
| 33 | Đồng Nai | 03-04/11/2026 | Trụ sở VNPT tại Hà Nội; TP. Hồ Chí Minh |
| 34 | Cà Mau | 05-06/11/2026 | Trụ sở VNPT tại Hà Nội; Cà Mau |